

AB001-L/6
052928-5

AUST L No. 125539
VISA NO. VN-15842-12

AB AUSBIOBONE

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Để xa tầm tay trẻ em

Thành phần: Mỗi viên nang có chứa:

Glucosamine sulfate-potassium chloride 500mg
(Tương đương Glucosamine 295mg và Potassium chloride 125mg)
Chondroitin sulfate –shark 11.1mg
(Tương đương Chondroitin sulfate 10mg)
Manganese Gluconate 45.5mg
(Tương đương Manganese 5mg)

Tá dược vừa đủ 1 viên nang: Silica Colloidal Anhydrous, Magnesium Stearate, Gelatine, Water Purified, Allura Red, Amaranth, Brilliant Blue, Titanium Dioxide, Methyl Hydroxybenzoate, Propyl Hydroxybenzoate, Macrogol 6000, Sodium Lauryl Sulfate, Calcium Hydrogen Phosphate.

Các đặc tính dược lực học:

Glucosamine là một amino-monosaccharide tự nhiên được sản xuất trong cơ thể. Nó là một trong số các chất nền chủ yếu được sử dụng trong tổng hợp sinh học của phân tử vi mô bao sụn khớp, như glycosaminoglycans, proteoglycans, và hyaluronic acid. Nó đóng vai trò quan trọng trong hình thành và hồi phục sụn. Không giống như các chất ức chế prostaglandin có quan hệ tới quá trình hủy hoại khớp trong chứng thoái hóa khớp, glucosamine sulfate làm tăng tổng hợp của proteoglycans trong thí nghiệm nuôi cấy tế bào sụn bình thường của người, các tế bào sụn được phân lập từ tổ chức sụn của khớp bị thoái hóa, và có thể dẫn tới thay đổi căn bệnh. Nó có tác dụng chống viêm và có hiệu quả với bệnh khớp trong các mô hình động vật.

Chondroitin là một chất tạo khối của phân tử proteoglycan được thấy có trong mô sụn. Chondroitin sulfate có ảnh hưởng tới sự hình thành chất nền sụn mới nhờ kích thích chuyển hóa tế bào sụn và tổng hợp collagen và proteoglycan. Chondroitin sulfate cũng được ghi nhận là ức chế các enzyme elastase và hyaluronidase. Nồng độ cao enzyme elastase bạch cầu được thấy trong máu và chất hoạt dịch khớp của bệnh nhân có bệnh thấp khớp. Chondroitin sulfate cũng kích thích sự trùng hợp hyaluronic acid bởi các tế bào hoạt dịch. Nhờ đó độ nhớt được cải thiện và lượng chất hoạt dịch trở lại bình thường.

Mangan có tính chống viêm: nghiên cứu cho thấy sử dụng mangan có quan hệ ngược chiều với nguy cơ bị thấp khớp ở phụ nữ.

Các đặc tính dược động học:

Glucosamine được hấp thu tốt sau khi uống. Glucosamine có sinh khả dụng đường uống vào khoảng 25 – 28%, thời gian bán thải khoảng 30 phút, được kết hợp chặt chẽ với protein huyết tương và glucosamin ở dạng tự do được tập trung tại sụn khớp.

Chondroitin sulphate được thải trừ phần lớn qua nước tiểu. Sinh khả dụng qua đường uống là 7-12%, nồng độ huyết tương đạt mức tối đa sau khoảng 190 phút và thời gian bán thải là 6 giờ.

Mangan được thải qua nước tiểu, phân, và mật. Độ hấp thu ở những người sử dụng mangan lâu dài thấp hơn từ 30-50% so với những người không sử dụng.

Chỉ định:

Giảm triệu chứng trong các trường hợp bị thoái hóa khớp gối nhẹ và trung bình.

Liều dùng:

Uống 2 viên/ lần, 2-3 lần/ngày, hoặc theo chỉ định của bác sĩ, uống trong hoặc sau bữa ăn. Thời gian dùng thuốc tùy theo từng bệnh nhân, ít nhất dùng liên tục trong 2 đến 3 tháng để đảm bảo hiệu quả điều trị.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú: Không nên dùng.

Tương tác với các thuốc khác, các dạng tương tác khác: Chưa thấy có

Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc: Chưa thấy có.

Sử dụng quá liều:

Ở liều rất cao, Glucosamine có thể gây ra sự rối loạn trong tiêu hóa, ví dụ như phân lỏng, buồn nôn hoặc tiêu chảy. Nếu gặp hiện tượng này nên ngừng dùng thuốc và chờ cho hết những triệu chứng này trước khi sử dụng tiếp thuốc ở đúng liều chỉ định.

Chống chỉ định:

Bệnh nhân nhạy cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc. Vì thuốc được điều chế từ hải sản nên những người dị ứng với hải sản nên tham khảo ý kiến của thầy thuốc trước khi sử dụng thuốc.

Phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, vị thành niên dưới 18 tuổi do chưa có số liệu về độ an toàn và hiệu quả điều trị.

Phản ứng phụ:

Hiếm gặp, nếu có thường là các phản ứng rối loạn tiêu hoá: phân đen, tiêu chảy hay táo bón.

Lưu ý:

Xin vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Có nguồn gốc từ hải sản.

Có chứa hydroxybenzoates

Mỗi viên có chứa 64,6mg potassium (125mg Potassium chloride). Bệnh nhân cần tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng thuốc nếu đang mắc bệnh thận hoặc đang sử dụng các thuốc về tim mạch hay huyết áp.

Đề xa tầm tay trẻ em.

Nếu triệu chứng không thay đổi, cần hỏi ý kiến bác sĩ.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ. Thông báo cho bác sĩ những tác dụng phụ gặp phải khi sử dụng thuốc.

Dạng bào chế: Viên nang cứng.

Đóng gói: 5 vi x 12 viên/hộp

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 25⁰C ở nơi khô ráo xa nóng và ánh sáng. Tránh ẩm.

Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn nhà sản xuất

Số đăng ký sản phẩm Dược phẩm tại Úc: AUST L125539

Số đăng ký sản phẩm Dược phẩm tại Việt nam: Visa No. VN-15842-12

Cơ sở Sở hữu giấy phép lưu hành:

AUS BIOPHARM

17/60 Avendon Boulevard, Glen Waverley, VIC 3150 AUSTRALIA.

Nhà sản xuất :

PROBIOTEC PHARMA Pty Ltd.

83 Cherry Lane, Laverton North, VIC 3026 AUSTRALIA.